

CÁC PHÁT NGÔN BIỂU THỊ TRẬT TỰ QUAN HỆ THỜI GIAN TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NGẮN CỦA NAM CAO

The ordering of words in utterance production indicating time order through some short stories of Nam Cao

PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG

(ThS; Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội)

Abstrat: The article presents the ordering of words in utterance production indicating time order through some short stories of Nam Cao. Based on that, we can understand more about its role in creating and gaining the text. In addition, the paper clarifies more deeply language style of one of the most famous authors in critical realism.

Key word: the ordering of words in utterance production indicates time order; Nam Cao; indicates time order; Pham Thi Huong Giang.

1. Đặt vấn đề

Con người giao tiếp với nhau không chỉ bằng một câu mà bằng nhiều câu. Nhưng các câu đó không phải tách rời nhau mà chúng liên kết với nhau tạo thành một chỉnh thể thống nhất là văn bản. Như vậy, cơ sở của liên kết là sự tồn tại của các quan hệ, trong đó có quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu. Bản thân quan hệ ngữ nghĩa cũng rất đa dạng và được thể hiện bằng nhiều phương thức khác nhau. Có thể nhóm lại thành hai phương thức thể hiện cơ bản là: loại các phương thức hiển ngôn và loại các phương thức sử dụng trật tự các phát ngôn làm phương tiện liên kết (loại phương thức hàm ẩn).

Loại các phương thức hiển ngôn làm tăng khả năng liên kết giữa các phát ngôn. Với phương thức này, người đọc dễ dàng nhận biết dụng ý của người viết khi định hình mối quan hệ giữa các phát ngôn mà không cần phải đắn đo suy nghĩ nhiều. Nhưng đây cũng chính là nhược điểm của phương thức này. Vì nó làm cho người đọc tiếp thu văn bản trong trạng thái bị động, không phát huy được trí tưởng tượng, không kích thích khả năng phán đoán của người đọc trong quá trình tiếp nhận tác phẩm. Trong khi đó, theo tác giả Trần Ngọc Thêm (2000), phương thức thứ hai lại thể hiện tính nghệ thuật. Nó có khả năng kích thích tư duy sáng tạo của

người đọc. Khi đó, người đọc không chỉ thu nhận được thông tin mà còn có thể xử lý, xác lập được các cách hiểu, theo cảm thụ của riêng mình. Phương thức hàm ẩn được chia thành nhiều loại như: trật tự các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian, quan hệ nhân quả, quan hệ đối lập,... Tuy nhiên, trong giới hạn bài viết, chúng tôi xin trình bày trật tự phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian trong một số truyện ngắn của Nam Cao. Qua đó tìm hiểu thêm vai trò của chúng trong việc cấu tạo và tiếp thu văn bản, đồng thời góp phần tìm hiểu thêm về phong cách ngôn ngữ của một trong những tác giả nổi tiếng của dòng hiện thực phê phán.

2. Trật tự các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian

2.1. Đặc trưng

Tất cả các sự kiện đều xảy ra trong thời gian. Trong dòng chảy ấy, rất nhiều sự kiện có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Sự kiện nào xảy ra trước, sự kiện nào xảy ra sau hoặc là do hiện thực hoặc do trật tự logic tất yếu của thực tế quy định. Khi đưa các sự kiện vào trong văn bản người ta cũng rất chú ý đến thứ tự thời gian, vì nó giúp cho các sự kiện diễn ra một cách hợp lý, logic và phù hợp với sự tri nhận của người nghe, người đọc. Nói về quan hệ thời gian trong văn bản, nhà lí luận Gerard Genette cho rằng: “Có

thể xác định được loại quan hệ này từ ba trục diện chủ yếu dựa trên trình tự: quan hệ thời gian nối tiếp trực tiếp, quan hệ thời gian gián cách, quan hệ thời gian đồng thời”[9; 35]. Với tư cách là phương thức sử dụng trật tự giữa các phát ngôn làm phương tiện liên kết, chúng tôi đi sâu vào nghiên cứu quan hệ thời gian thuận logic tức là trật tự thời gian trước – sau, đây cũng là quan hệ đặc trưng của quan hệ thuận logic. Ở quan hệ này, các sự kiện chỉ phối hợp với nhau về thời gian theo nguyên tắc: Nếu có hai sự kiện A và B thì A phải xảy ra trước, B phải xảy ra sau. Hay nói cách khác, nếu có hai phát ngôn thì hành động ở phát ngôn thứ nhất xảy ra trước hành động ở phát ngôn thứ hai. Ví dụ:

1. *Thị cầm một con dao ra vườn moi mấy nhánh gừng về rửa sạch, giã ra. Thị vắt thêm vào đấy nửa quả chanh.* (Giăng sáng, tr. 105)

2. *Một anh đi thả ống lươn, một buổi sáng tinh sương đã thấy hắt trần truồng và xám ngắt trong một cái váy đụp để bên một lò gạch bỏ không, anh ta rước lấy và đem về cho một người đàn bà góa mù. Người đàn bà góa mù này bán hắt cho một bác phó cối không con, và khi bác phó cối này chết thì hắt bơ vợ, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà nọ.* (Chí Phèo, tr. 27)

Trong ví dụ 1, hành động “cầm dao, moi mấy nhánh gừng, rửa sạch, giã ra” ở phát ngôn thứ nhất diễn ra trước hành động “vắt” chanh ở phát ngôn thứ hai. Trong ví dụ 2, việc Chí Phèo bị bán cho “bác phó cối” ở phát ngôn thứ hai phải xảy ra sau việc hắt được “anh đi thả ống lươn” “đem về cho người đàn bà góa mù” ở phát ngôn thứ nhất. Như vậy ở cả hai ví dụ trên, các hành động, sự kiện đều xảy ra theo thứ tự thời gian, trình tự trước sau. Hành động, sự kiện ở phát ngôn sau bao giờ cũng xảy ra sau so với hành động, sự kiện ở phát ngôn trước. Điều này chứng tỏ rằng, các phát ngôn trong hai ví dụ trên có liên kết tuyến tính với nhau thuộc quan hệ thời gian. Quan sát kĩ hai ví dụ trên ta cũng thấy rằng, phát ngôn thứ hai liên kết với phát ngôn thứ nhất đơn thuần theo quan hệ logic và cụ thể là quan hệ thời gian, ngoài ra không có thêm một phương tiện liên kết nào khác hỗ trợ. Trong

những trường hợp như trên, vai trò của trật tự tuyến tính trở nên vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, nó cũng đòi hỏi người đọc phải có khả năng phán đoán và nắm được những tri thức chung của cả cộng đồng để nhận diện được mối liên kết.

Liên kết dựa vào trật tự các phát ngôn có tần số sử dụng rất cao nhưng bản chất mức độ liên kết của chúng không mạnh và không phải lúc nào trong phát ngôn chúng cũng có vai trò quan trọng như nhau. Vai trò của việc dựa vào trật tự các phát ngôn để biểu thị quan hệ ngữ nghĩa chỉ nổi lên rõ rệt khi giữa hai phát ngôn chỉ liên kết với nhau hoàn toàn phụ thuộc vào trật tự của chúng mà không có sự góp mặt của bất cứ phương tiện liên kết nào. Điều này được thể hiện rất rõ qua hai ví dụ đã dẫn. Còn khi những cặp phát ngôn không chỉ sử dụng bản thân trật tự của nó làm phương thức liên kết mà còn sử dụng các phép liên kết khác, đặc biệt là khi kết ngôn là câu hợp nghĩa hoặc ngữ trực thuộc thì vai trò của việc sử dụng trật tự tuyến tính giữa các phát ngôn để biểu thị nghĩa dường như ít được chú ý. Song thực chất chúng đảm nhiệm vai trò là các mạch nối không chỉ hai phát ngôn với nhau, mà còn góp phần tạo nên các mạch chung của văn bản. Ví dụ: *Liều cẩn thận đưa Huyền vào tận giường trong, giúp cho nó nằm xuống cạnh em bé và đặt cái quạt vào tận tay cho nó. Chị trở lại ra giường ngoài.* (Đời chờ, tr. 410). Trong ví dụ này, hai phát ngôn trên liên kết với nhau theo hai phương thức: (a) Phương thức liên kết tuyến tính: hành động “đưa Huyền vào tận giường trong”, “đặt cái quạt vào tận tay nó” ở phát ngôn đầu xảy ra trước hành động “trở lại ra giường ngoài” ở phát ngôn sau; (b) Phương thức liên kết bằng phép thế: Liều – chị. Từ ví dụ đưa ra xem xét, ta thấy đối với kiểu liên kết không từ nối biểu thị quan hệ thời gian có hai trường hợp:

- Trường hợp giữa hai phát ngôn không có quan hệ hình thức mà chỉ thuần túy dựa vào sự đứng cạnh nhau của chúng để xác lập quan hệ ngữ nghĩa. Ví dụ: *Anh gọi hai cái xe. Hai lão đảo bước lên một cái ngà hắt người về đằng*

sau. (Quên điều độ, tr 355). Ở ví dụ này, ta không hề bắt gặp bất kì một quan hệ hình thức nào. Mỗi quan hệ giữa chúng đơn thuần chỉ là trật tự tuyến tính và sự đứng cạnh nhau giữa hai phát ngôn làm phương tiện liên kết. Trong loại này, mức độ liên kết là liên kết yếu.

- Trường hợp ngoài việc lấy trật tự các phát ngôn làm phương thức liên kết còn kết hợp với các phương thức liên kết khác: Giữa hai phát ngôn có quan hệ hình thức, nghĩa là ngoài việc sử dụng trật tự tuyến tính phát ngôn còn sử dụng cả các phương tiện liên kết hình thức khác như: phép lặp, phép thế,... Ở loại này chúng ta bắt gặp nhiều trong các tác phẩm của Nam Cao. Ví dụ: *Một người quần áo tây sang trọng nện giầy cồm cộp, bước vào. Y dừng lại để bật diêm châm điếu xì gà.* (Truyện người hàng xóm, tr 675). Bên cạnh việc sử dụng trật tự tuyến tính, ví dụ trên còn sử dụng phép thế: một người quần áo tây sang trọng nện giầy cồm cộp = y.

2.2. Cách nhận diện

Để nhận diện xem giữa các phát ngôn có sử dụng trật tự các phát ngôn để biểu thị quan hệ thời gian hay không, có thể sử dụng một số cách nhận biết sau:

(i) *Phương thức đảo*: Đây là cách nhận diện đơn giản nhất. Việc đảo trật tự thông thường giữa các phát ngôn nghĩa là phá vỡ trật tự tuyến tính thông thường giữa chúng. Nếu sự thay đổi trật tự không làm ảnh hưởng gì đến ngữ nghĩa giữa các phát ngôn nghĩa là giữa các phát ngôn này không liên kết với nhau bằng quan hệ thời gian trước sau. Ngược lại, nếu sự thay đổi trật tự giữa các phát ngôn làm cho chuỗi phát ngôn trở nên vô nghĩa, hoặc làm thay đổi nội dung của văn bản thì các phát ngôn liên kết với nhau theo quan hệ thời gian trước sau. Ví dụ: *Ông mở trap quăng cho hấn năm đồng bạc (1). Hấn cầm lấy, “lạy ông” tử tế, rồi xách dao ra về (2).* (Chí Phèo, tr. 35). Khi thay đổi trật tự giữa các phát ngôn, ta có: *Hấn cầm lấy, “lạy ông” tử tế, rồi xách dao ra về (2). Ông mở trap quăng cho hấn năm đồng bạc (1).* Việc đổi chỗ các hành động ở ví dụ trên làm cho chuỗi các phát ngôn trở nên vô lí, trái với thực tế (Chí Phèo không thể “cầm

lấy”, “lạy ông” khi cụ Bá chưa “quăng” “đồng bạc” cho hấn). Do vậy, hai phát ngôn trên liên kết với nhau theo phương thức tuyến tính tức là bằng bản thân trật tự của hai phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian.

(ii) *Chêm xen các từ nối chỉ sự kế tiếp về thời gian*: Bên cạnh cách nhận biết mang tính đặc trưng của quan hệ tuyến tính, ta có thể kiểm tra mối quan hệ trước sau về thời gian giữa hai phát ngôn bằng cách chêm xen các từ nối chỉ quan hệ kế tiếp về thời gian như: rồi, tiếp đó, thế rồi, lát sau... vào đầu kết ngôn. Nếu như sự chêm xen đó không làm thay đổi quan hệ ngữ nghĩa giữa hai phát ngôn thì hai phát ngôn đó liên hệ với nhau bằng quan hệ thời gian. Một điểm cần chú ý khác là: quan hệ thời gian không chấp nhận những phương tiện nối chỉ kết quả như *do vậy, cho nên, thế là...* Đây cũng là cách để ta phân biệt quan hệ này với quan hệ nhân quả và quan hệ nhân quả có biểu thị cả quan hệ thời gian. Ví dụ: *Mấy người trèo lên nóc nhà Ninh. Họ đỡ tranh quăng xuống sân rào rào.* (Từ ngày mẹ chết, tr. 158) $\Rightarrow$ *Mấy người trèo lên nóc nhà Ninh. Thế rồi họ đỡ tranh quăng xuống sân rào rào.*

Sau khi chêm xen từ nối chỉ sự kế tiếp về thời gian vào đầu phát ngôn thứ hai của ví dụ trên cho thấy quan hệ ngữ nghĩa của các phát ngôn không thay đổi, mặt khác, khi ta thử chêm xen bằng từ nối chỉ kết quả thì thấy mối quan hệ ngữ nghĩa của chúng thay đổi. Do vậy, hai phát ngôn này liên kết với nhau bằng quan hệ thời gian.

Có thể thấy, có hai cách để nhận diện. Cách thứ nhất để kiểm tra xem các phát ngôn có sử dụng chính trật tự của mình để biểu thị mối quan hệ ngữ nghĩa hay không. Cách thứ hai để nhận diện chúng có biểu thị theo quan hệ thời gian hay không.

3. Trật tự các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian thể hiện trong một số tác phẩm của Nam Cao

3.1. Mức độ sử dụng

Là một nhà văn nổi tiếng của dòng văn học hiện thực phê phán, ngòi bút của Nam Cao

không chỉ sắc sảo trong việc lựa chọn vấn đề, tinh tế trong việc diễn tả nội tâm nhân vật, sắp xếp các sự kiện theo logic mà còn được thể hiện qua việc sử dụng linh hoạt các phương thức liên kết tạo nên tính mạch lạc, chặt chẽ cho các tác phẩm. Đối với từng tác phẩm, từng đề tài, mức độ sử dụng các phương thức liên kết là khác nhau tùy thuộc vào dụng ý của nhà văn. Quan hệ thời gian cũng được sử dụng nhiều trong các tác phẩm của Nam Cao, cách thức thể hiện của nó cũng khá phong phú. Sau khi khảo sát 10 tác phẩm của Nam Cao, chúng tôi thống kê được 97 phiếu, chiếm 30,6% tổng số các kiểu quan hệ. Trật tự các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian trong các tác phẩm khác nhau là khác nhau về tần số xuất hiện và cách thức thể hiện. Vì mỗi tác phẩm có cốt truyện, nhân vật, dung lượng... khác nhau bị chi phối bởi cách sắp xếp các sự kiện theo tiến trình của nhà văn. Qua quá trình khảo sát, chúng tôi cũng nhận thấy, kiểu quan hệ này sử dụng ở phần văn bản nhiều hơn phần lời nói. Phần văn bản: 87/97 phiếu; phần lời nói: 10/97 phiếu. Nguyên nhân của hiện tượng này là: Văn bản gồm có hai dạng tồn tại chính là nói và viết nên việc sử dụng dạng nào là tùy thuộc vào mục đích, chủ định của người phát tin. Đối với phần lời nói, người nhận lắng nghe thông tin bằng thính giác, hơn nữa người phát tin mong muốn người tiếp nhận có thể nắm được thông tin mình truyền đạt một cách nhanh nhất. Vì thế họ thường đưa ra những lời nói mang tính hiển ngôn, dễ hiểu. Nên việc sử dụng các từ nối chỉ thời gian như *sau đó, thế rồi, ...* mang tính phổ biến hơn so với việc dùng trật tự các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian. Đối với phần văn bản viết: mục đích của người phát thông tin là mong muốn người đọc có thể tri nhận thông tin mình đưa đến một cách sâu sắc. Hơn nữa, khi đọc một văn bản viết, người nhận cũng có thời gian hơn trong việc xử lý thông tin, do đó quan hệ này được sử dụng nhiều hơn. Mặt khác, nguồn tư liệu chính mà chúng tôi khảo sát là các tác phẩm của Nam Cao - thuộc về phong cách nghệ thuật. Đặc điểm chính của phong cách nghệ thuật là tính hình tượng. Đặc điểm

này đòi hỏi người đọc phải suy ngẫm, tìm tòi để có thể tìm ra được ý nghĩa chính của tác phẩm. Vì thế, không chỉ Nam Cao, mà rất nhiều tác giả khác cũng sử dụng loại quan hệ này nhiều trong văn bản viết.

3.2. Cách thức thể hiện

Đặc trưng của quan hệ tuyến tính là dựa vào việc đứng cạnh nhau của hai phát ngôn để xác lập quan hệ ngữ nghĩa. Tuy nhiên, vẫn có thể nhận ra trật tự thời gian của các sự kiện trong phát ngôn thông qua một số các yếu tố ngôn ngữ biểu thị thời gian. Loại quan hệ này được chia ra thành hai trường hợp như sau:

3.2.1. Trật tự các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian bộc lộ qua các cặp trạng từ chỉ thời gian

Đây là một dạng phương thức phụ trợ khá hữu hiệu trong việc nhận diện quan hệ thời gian dễ dàng. Dạng quan hệ này dùng ít hơn so với dạng quan hệ thời gian bộc lộ qua động từ - vị ngữ. Điều này cũng là dễ hiểu vì bao giờ một tác phẩm văn học đặc biệt là truyện ngắn và tiểu thuyết cũng thiên vào việc mô tả hành động, các sự kiện, tâm trạng của nhân vật để bộc lộ cái nhìn của mình về một vấn đề nào đó. Dạng quan hệ này giúp người đọc dễ dàng nhận biết trật tự tuyến tính theo thời gian, vì những yếu tố chỉ thời gian nằm trên bề nổi của phát ngôn. Tuy vậy, do không đòi hỏi người đọc phải tri nhận tác phẩm một cách sâu sắc, nên nó không kích thích được khả năng phán đoán của người đọc, người nghe. Một số các cặp trạng từ thường gặp là: *sáng - trưa - tối, hôm nay - ngày mai, quá khứ - hiện tại - tương lai, trước kia - bây giờ...* Theo thống kê, chúng tôi thu thập được 28/97 phiếu, chiếm 28,9% tổng số phiếu của các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian. Vậy, dạng quan hệ này được sử dụng ít hơn hẳn so với dạng trật tự các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian bộc lộ qua động từ - vị ngữ. Bởi, văn Nam Cao thiên về miêu tả tâm lí, hành động của nhân vật. Thời gian trong truyện của Nam Cao thường có sự đan xen giữa hiện thực và quá khứ dựa trên dòng hồi tưởng của nhân vật như truyện ngắn *Chí Phèo, Từ ngày mẹ chết...* Mọi

sự kiện, mọi hành động đều xoay quanh nhân vật chính. Vì vậy, quan hệ thời gian thường được thể hiện qua các động từ – vị ngữ nhiều hơn. Trong dạng quan hệ này, Nam Cao cũng có những cách thể hiện khá độc đáo để tránh gây ra cảm giác lặp, nhằm chán cho truyện ngắn của mình.

a. Loại liên kết sử dụng các cặp trạng từ thời gian mang tính chất cố định, đã được cộng đồng chấp nhận. Ví dụ: *Buổi trưa hôm ấy, Hiền ăn rất ít cơm. Buổi chiều cũng vậy.* (Truyện người hàng xóm, tr. 653). Ví dụ trên sử dụng cặp trạng ngữ chỉ thời gian: “*buổi trưa – buổi chiều*”. Cặp trạng ngữ này có nhiệm vụ nối kết văn bản theo trật tự tuyến tính. Cặp trạng từ trên chỉ quan hệ thời gian trước sau cố định, mang tính tự nhiên, do đó người đọc dễ dàng tri nhận mà không cần phải đặt vào trong một văn cảnh cụ thể hay nói cách khác là một chuỗi các phát ngôn mới hiểu được. Đôi khi trong một số trường hợp, ta thấy Nam Cao lại không sử dụng song hành cặp trạng từ chỉ thời gian mà chỉ dùng một vế. Ví dụ: *Hắn nói chán rồi đi ngủ. Bây giờ, Từ mới dám đứng lên, treo quần áo cho hắn lên mắc và thu dọn tất cả những thức hắn đã vất lổng chống đầy nhà.* (Đời thừa, tr. 261). Trong phát ngôn trên, ta thấy rằng chỉ có trạng từ chỉ thời gian “*bây giờ*” xuất hiện nhưng nó lại có một tác dụng rất lớn. Nó ngầm định rằng có một sự kiện xảy ra trước đó xuất hiện ở phát ngôn thứ nhất. Điều này có nghĩa là, việc sử dụng các trạng từ thời gian cũng hết sức linh hoạt, thể hiện khả năng sáng tạo của người cầm bút.

b. Loại liên kết dùng cụm từ có ý nghĩa chỉ thời gian: Những cụm từ này cũng đảm nhận vai trò làm trạng ngữ ở trong câu. Tuy nhiên, trường hợp này ít được sử dụng trong các văn bản khoa học, hành chính mà chỉ thường xuất hiện trong các văn bản nghệ thuật hoặc văn bản chính luận. Ví dụ 1: *Riêng tôi, trước đây, tôi vẫn không hiểu vì sao người ta có thể khinh ghét anh nhiều thế. Tận đến lúc bị anh đá tôi mới hiểu.* (Đôi mắt, tr. 457). Trong ví dụ này, hai câu có liên kết với nhau theo trật tự tuyến tính biểu thị quan hệ thời gian. Tuy nhiên, mốc thời gian

ở đây khá đặc biệt “*tận đến lúc bị anh đá*”, mốc thời gian này dựa trên một sự kiện đã xảy ra. Đây là một cách biểu thị mối quan hệ thời gian khá độc đáo trong truyện ngắn Nam Cao. Ví dụ 2: *Từ hôm ấy hắn thành từ tế với lí Kiến, nhận làm chỗ đầy tớ chân tay, nhưng lí Kiến thỉnh thoảng vẫn phải cho hắn tiền. Cho mãi đến năm ngoài đây, hắn chết...* (Chí Phèo, tr. 32). Hai câu văn trên liên kết với nhau theo quan hệ thời gian. Chúng ta có thể nhận ra điều này qua các cụm từ “*từ hôm ấy*”, “*cho mãi đến năm ngoài đây*”.

Trong từng sự kiện, hành động có mốc thời gian xác định cụ thể, dựa vào đó ta có thể xác định được thời gian giữa các sự kiện, hành động. Ví dụ: *Năm hai mươi, hắn đậu bằng tốt nghiệp thành chung. Năm hai một hắn trúng tuyển kì thi thư kí vô tuyến điện.* (Quên điều độ, tr. 349). Trong ví dụ này, tác giả liệt kê những mốc sự kiện quan trọng của nhân vật thông qua tuổi tác: “*năm hai mươi – năm hai một*”. Mỗi một tuổi của nhân vật lại có một sự kiện đáng chú ý góp phần đánh giá về nhân vật. Cặp từ ngữ này không những giúp ta định vị được thời gian mà còn giúp ta xác định được quan hệ thời gian giữa các sự kiện. Sự kiện ấy xảy ra trong thời gian nào, sự kiện nào diễn ra trước, sự kiện nào xảy ra sau giúp cho người đọc tri nhận một cách rõ ràng nhất.

Sử dụng những cụm từ này trong việc biểu thị mối quan hệ thời gian có tác dụng rất lớn. Bởi nó tạo ra khả năng liên kết phong phú, đa dạng, tránh tạo nên cảm giác nhàm chán cho tác phẩm. Nhìn thấy ưu điểm này, Nam Cao đã vận dụng khá linh hoạt để làm tăng thêm sức hấp dẫn cho truyện ngắn của mình.

3.2.2. Trật tự các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian bộc lộ qua động từ – vị ngữ

Đây là dạng quan hệ được sử dụng nhiều nhất và mang tính phổ biến. Thông qua các yếu tố ngôn ngữ chỉ hành động, cử chỉ,... ở trong phát ngôn, người đọc có thể nhận biết được nó có theo trật tự thời gian hay không. Tuy nhiên, do không thể hiện một cách rõ nét trên bề mặt của phát ngôn nên việc nhận biết dạng quan hệ

này đòi hỏi người đọc phải phán đoán, phân tích, thiết lập, lí giải mối quan hệ giữa các sự kiện, hành động... mới có thể tri nhận được văn bản. Quan hệ thời gian bộc lộ qua động từ – vị ngữ kích thích khả năng phán đoán của người đọc. Vì vậy, xảy ra “tình trạng”: bản thân người tiếp nhận văn bản có thể dự trù được nhiều khả năng xảy ra theo những cách khác nhau. Đây cũng là một yếu tố tạo nên thành công của một tác phẩm. Nghĩa là nhà văn đã tạo ra những kết cấu mở, để người đọc có thể thoải mái đặt ra những kết quả, những phương hướng giải quyết theo cách hiểu của mình. Như vậy, bằng quan hệ này, người đọc có thể cùng hành trình với tác giả trong việc khám phá cái hay, cái đẹp của tác phẩm. Kiểu quan hệ này, chúng tôi thu thập được 69/97 phiếu, chiếm 71,1% tổng số phiếu của các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian. Qua quá trình khảo sát, chúng tôi có thể chia dạng quan hệ này thành hai tiểu loại như sau:

a. Trường hợp sử dụng các động từ biểu thị trật tự tự nhiên: Nghĩa là, các hành động trong các phát ngôn thể hiện đúng trình tự thông thường, tự nhiên của cuộc sống. Thông qua các động từ và dựa trên tri thức chung của cộng đồng, người đọc có thể dễ dàng nhận ra mối quan hệ thời gian này. Đây là loại trật tự có tính cố định. Ví dụ: *Anh xe ườn người ra cổ kìm xe lại, hạ càng. Hấn bước xuống trả tiền rồi xỏ giày đi vào.* (Truyện người hàng xóm, tr. 691). Trong ví dụ trên, trình tự diễn ra của các hành động trùng với trình tự của các câu. Hành động nào diễn ra trước tả trước, hành động nào diễn ra sau tả sau. Những hành động này diễn ra theo đúng trình tự của tự nhiên. Xe “hạ càng” thì hấn mới có thể “bước xuống” được. Nếu đảo trật tự của hai câu trên thì kết quả thu được là hai câu rời rạc, không có quan hệ với nhau về mặt ngữ nghĩa: $\Rightarrow$ *Hấn bước xuống trả tiền rồi xỏ giày đi vào. Anh xe ườn người ra cổ kìm xe lại, hạ càng.*(-)

b. Trường hợp sử dụng động từ – vị ngữ không biểu thị trật tự tự nhiên: Nghĩa là trình tự diễn ra của các hành động không phải có tính quy luật mà có tính ngẫu nhiên, nhưng nằm

trong chuỗi các sự kiện được miêu tả tuần tự theo diễn biến của chúng. Đối với trường hợp này, việc nhận biết quan hệ thời gian là khó hơn. Người đọc, ngoài vốn tri thức chung của cộng đồng còn phải có khả năng phán đoán, nối kết tình huống một cách logic, nghĩa là phải dựa vào ngữ cảnh mà phát ngôn xuất hiện. Đây là loại trật tự không có tính cố định.

Có thể nói, đây là trường hợp cũng được sử dụng khá phổ biến trong truyện ngắn của Nam Cao. Nó tạo nên sức cuốn hút đặc biệt cho tác phẩm. Nó đòi hỏi người đọc khi tiếp cận với tác phẩm cần phải xem xét một cách tỉ mỉ để nhận diện hành động nào xảy ra trước, hành động nào xảy ra sau trong những ngữ cảnh cụ thể. Ví dụ: *Anh gọi hai cái xe. Hai lão đảo bước lên một cái ngã hấn người về đằng sau.* (Quên điều độ, tr 355). Nếu thay đổi trật tự giữa hai phát ngôn, ta có: $\Rightarrow$ *Hai lão đảo bước lên một cái ngã hấn người về đằng sau. Anh gọi hai cái xe.* (+). Qua ví dụ trên ta thấy: Ở cả hai phát ngôn tuyệt nhiên không sử dụng bất cứ một từ ngữ chỉ thời gian nào, và cũng không sử dụng các động từ thể hiện trật tự cố định. Nhưng người đọc vẫn có thể tri nhận được thông qua các động từ chỉ hành động kế tiếp trong một ngữ cảnh cụ thể. Ngữ cảnh của ví dụ trên như sau: Thư và Hai cùng nhau đi uống rượu. Lúc trở về, Hai say. Vì thế, Thư gọi xe để đưa anh về. Như vậy, nếu ta thay đổi vị trí của hai phát ngôn cho nhau thì sẽ làm thay đổi quan hệ ngữ nghĩa, làm sai lệch nội dung của văn bản. Vì thế, trong quá trình tri nhận một văn bản, người nghe cần phải gắn các hành động, các sự kiện vào từng ngữ cảnh cụ thể để việc tiếp nhận được chính xác, tránh việc hiểu nhầm, làm sai lệch dụng ý của nhà văn.

Trường hợp sử dụng cụm động từ chỉ sự kết thúc của hành động ở đầu kết ngôn để biểu thị quan hệ thời gian: chúng tôi đã khảo sát được 16/97 phiếu thuộc dạng này sau khi khảo sát 10 truyện ngắn. Ví dụ: *Ta uống bia chơi một lúc rồi ăn đã. Ăn xong chúng mình đi hát.* (Quên điều độ, tr 354). Ở ví dụ này, các hành động đều xảy ra kế tiếp nhau theo trình tự thời gian. Chúng ta dễ dàng nhận biết được thông qua đầu

hiệu là các động từ chỉ sự kết thúc của một hành động đứng đầu kết ngôn. Tuy trường hợp này không mang tính phổ biến, thể hiện giá trị nghệ thuật không cao như việc sử dụng trật tự các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian bộc lộ qua động từ – vị ngữ nhưng nó lại tạo ra một điểm nhấn báo hiệu sự chấm dứt của một hành động, thu hút người đọc chú ý vào những hành động tiếp theo của nhân vật. Đây chính là một ưu điểm để Nam Cao vận dụng liên kết các phát ngôn trong truyện ngắn của ông.

Trong truyện ngắn của mình, Nam Cao còn sử dụng cả các phó từ đi kèm để biểu thị ý nghĩa trật tự thời gian trước sau, trường hợp này chúng tôi thu được 6 phiếu.

- Trường hợp phó từ đứng sau danh từ (cụm danh từ) hoặc đứng trước động từ để chỉ trật tự thời gian trước sau: vẫn, càng, còn, lại, cứ... Ví dụ: *Một hôm đến chơi nhà San, y thấy San đang tắm cho con. Một hôm khác, thằng ở bảo y rằng: “San đang chia bài cho ông bố vợ đánh tổ tôm”. Một hôm khác nữa, y bắt gặp chính San đang giờ cuộc tổ tôm.* (Sống mòn, tr. 709). Các phát ngôn trên liên kết với nhau theo quan hệ thời gian. Ta nhận thấy điều này thông qua các cụm từ có ý nghĩa chỉ thời gian “một hôm - một hôm khác - một hôm khác nữa”. Đặc biệt là sự có mặt của từ “nữa” đứng sau cụm danh từ “một hôm khác”. Nó báo hiệu rằng, việc Thứ đến thăm San đã diễn ra trước đó. Một ví dụ khác: *Anh vừa ra khỏi làng, sự nhớ quên cái mũ, trở lại lấy, cũng hỏi rồi mới cho vào. Lát nữa anh ra, lại hỏi.* (Đôi mắt, tr 459). Hai câu trên cũng liên kết với nhau theo quan hệ thời gian. Dấu hiệu để nhận biết mối quan hệ này là trạng ngữ “lát nữa” ở đầu câu thứ hai. Ngoài ra, còn có sự xuất hiện của phó từ “lại” đứng trước danh từ “hỏi”. Nó tiền giả định rằng, trước đó, hành động “hỏi” đã diễn ra.

- Trường hợp dùng các phó từ trước một số động từ cũng mang ý nghĩa chỉ trật tự thời gian trước sau giữa các phát ngôn: thêm, nốt, nữa... Ví dụ: *Anh đi, hỏi. Anh về, hỏi nữa.* (Đôi mắt, tr 459). Việc dùng phó từ “nữa” phụ sau động từ “hỏi” giúp ta nhận diện rõ ràng mối

quan hệ thời gian giữa hai phát ngôn trên. Tuy nhiên, các trường hợp sử dụng phó từ giữa hai phát ngôn đứng cạnh nhau trong những tác phẩm của Nam Cao chỉ chiếm một số lượng ít. Nhưng đây cũng là một dấu hiệu để nhận biết mối quan hệ thời gian trước sau giữa các phát ngôn.

4. Kết luận

Trật tự các phát ngôn biểu thị quan hệ thời gian trong một số truyện ngắn của Nam Cao có cách thức thể hiện khá đa dạng. Việc sử dụng linh hoạt những cách thức này thể hiện tác giả có một vốn từ phong phú, có khả năng sắp xếp các sự kiện hợp lý, logic, không tạo nên một sự trùng lặp, nhằm chần chừ trong cách dùng từ, sử dụng các phép liên kết để diễn tả các sự kiện. Tuy nhiên, khi sử dụng loại quan hệ này, chúng tôi thấy rằng Nam Cao thường sử dụng thêm các phương thức liên kết khác như: phép lặp, phép thế... để quan hệ thời gian được bộc lộ một cách rõ ràng, cụ thể, giữa các phát ngôn có liên kết chặt chẽ thể hiện tính mạch lạc của một văn bản. Hầu hết các phát ngôn mà chúng tôi thống kê được đều có sử dụng thêm các phương thức liên kết khác. Điều này thể hiện khả năng kết hợp khéo léo các phương tiện liên kết của Nam Cao trong việc thể hiện nội dung của tác phẩm, tạo nên một phong cách riêng – phong cách Nam Cao.

Tài liệu tham khảo chính

1. Diệp Quang Ban (2005), *Văn bản và liên kết văn bản trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Đức Dân (1998), *Logic và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Thị Việt Thanh (1999), *Hệ thống liên kết lời nói tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Trần Ngọc Thêm (2000), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
5. Nguyễn Thị Thìn (2003), *Về mạch lạc của văn bản viết*, Tạp chí Ngôn ngữ - số 3.
6. Galperin (1987), *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu ngôn ngữ học*, Nxb Khoa học Xã hội.
7. *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học, 2006.
(Ban Biên tập nhận bài ngày 05-09-2013)